

**KỲ THI CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
(CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO)**

Khoá ngày: 12/01/ 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Stt	Sbd	Họ, chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới Tính	Dân Tộc	Ghi chú (giờ thi –Phòng máy)	
Ca thi 1-Phòng máy 1: 7 giờ 00 - Cơ Bản									
1	1CB01	Ngô Hoài	An	18/11/2005	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
2	1CB02	Trần Thị Bảo	An	27/02/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
3	1CB03	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	24/06/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
4	1CB04	Nguyễn Đức	Cảnh	08/08/1971	Phú Thọ	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
5	1CB05	Trần Lê Thảo	Cẩm	04/10/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
6	1CB06	Vô Văn	Của	17/08/1966	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
7	1CB07	Biện Văn	Cư	15/11/1964	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
8	1CB08	Nguyễn Phú	Cường	23/12/1970	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
9	1CB09	Nguyễn Thành	Danh	10/10/1967	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
10	1CB10	Nguyễn Văn	Dân	20/10/1964	Quảng Bình	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
11	1CB11	Nguyễn Hiền	Diệu	12/10/1965	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
12	1CB12	Tiêu Hòa	Dũng	05/10/1967	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
13	1CB13	Thái Bá	Dũng	27/02/1994	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
14	1CB14	Nguyễn Văn	Dương	06/06/1964	Quảng Bình	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
15	1CB15	Đào Văn	Đáng	20/07/1968	Hưng Yên	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
16	1CB16	Nguyễn Thị Xuân	Đào	01/04/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
17	1CB17	Nguyễn Văn	Đậu	04/04/1970	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
18	1CB18	Nguyễn Thanh	Hải	03/02/1965	Tp.HCM	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
19	1CB19	Bùi Thị Hồng	Hạnh	20/10/1995	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
20	1CB20	Bùi Thị	Hằng	23/12/1989	Hải Dương	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
21	1CB21	Nguyễn Thu	Hiền	24/01/1973	Campuchia	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
22	1CB22	Nguyễn Minh	Hoàng	26/05/1964	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
23	1CB23	Vũ Minh	Hồng	13/07/1965	Thái Bình	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
24	1CB24	Đàm Gia	Huy	16/02/1995	Tp.HCM	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
25	1CB25	Nguyễn Văn Thành	Kha	19/10/1977	Tp.HCM	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
26	1CB26	Nguyễn Hoàng	Lâm	24/10/1989	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
27	1CB27	Lâm Văn	Lân	20/04/1963	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
28	1CB28	Võ Thị Hồng	Liên	27/08/1995	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
Ca thi 1-Phòng máy 2: 7 giờ 00 - Cơ Bản									
29	1CB29	Bùi Thị Kim	Liên	10/12/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
30	1CB30	Nguyễn Thị Nhựt	Linh	25/06/1996	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
31	1CB31	Trần Hữu	Lợi	25/08/1988	Vĩnh Long	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2
32	1CB32	Lê Thị Thảo	Mai	11/03/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
33	1CB33	Trần Thắng	Minh	17/08/1968	Campuchia	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2
34	1CB34	Trần Lê Bảo	Minh	24/07/2005	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2
35	1CB35	Lê Bình	Nam	19/07/1974	Bến Tre	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2
36	1CB36	Lê Thị Thanh	Ngân	01/08/1978	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
37	1CB37	Nguyễn Văn	Ngọc	01/04/1969	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2

Stt	Sbd	Họ, chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới Tính	Dân Tộc	Ghi chú (giờ thi –Phòng máy)	
38	1CB38	Đặng Hải	Ngọc	13/10/1994	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2
39	1CB39	Lê Hồng	Nhung	27/08/1995	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
40	1CB40	Nguyễn Thành	Phuong	1970	Long An	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2
41	1CB41	Lê Văn	Phuong	09/05/1969	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2
42	1CB42	Trương Thị Mỹ	Phuong	15/06/1998	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
43	1CB43	Trịnh Thị Hồng	Phượng	18/09/1989	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
44	1CB44	Trần Thị	Sáng	22/01/1967	Hung Yên	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
45	1CB45	Nguyễn Văn	Sĩ	18/08/1970	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2
46	1CB46	Trần Đình	Sơn	28/08/1966	Nghệ An	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2
47	1CB47	Nguyễn Văn	Sửu	28/10/1967	Quảng Bình	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2
48	1CB48	Đỗ Thanh	Tâm	15/11/1978	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
49	1CB49	Nguyễn Minh	Tân	11/07/1985	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2
50	1CB50	Bùi Vũ Thanh	Tú	12/08/1984	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2
51	1CB51	Lê Thị Mộng	Tuyền	23/11/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
52	1CB52	Lê Văn	Tường	15/09/1964	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2
53	1CB53	Nguyễn Lê Minh	Tỷ	01/04/1998	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2
54	1CB54	Nguyễn Tấn	Thành	12/03/1970	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2
55	1CB55	Nguyễn Bình Phương	Thảo	12/08/1997	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
56	1CB56	Trần Thanh	Vũ	25/10/1967	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2

Ca thi 2-Phòng máy 1: 9 giờ 30 – Cơ Bản

57	2CB01	Nguyễn Hoàng	An	15/12/1985	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
58	2CB02	Lê Thị Huế	Anh	14/07/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
59	2CB03	Trịnh Phước	Anh	04/07/1990	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
60	2CB04	Nguyễn Ngọc	Ánh	03/06/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
61	2CB05	Trần Xuân	Bách	05/04/1984	Quảng Bình	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
62	2CB06	Nguyễn Hường	Bình	05/05/1986	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
63	2CB07	Nguyễn Thị Hồng	Diệu	22/06/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
64	2CB08	Nguyễn Tiên	Dũng	06/10/1982	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
65	2CB09	Lê Nhựt	Duy	30/06/1997	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
66	2CB10	Bùi Minh	Đức	11/11/4988	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
67	2CB11	Trần Trường	Giang	24/03/1989	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
68	2CB12	Nguyễn Hữu	Hạnh	07/03/1983	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
69	2CB13	Phan Thanh	Hoài	07/08/1988	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
70	2CB14	Lê Lâm Như	Huỳnh	06/12/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
71	2CB15	Nguyễn Khắc	Kiên	15/07/1984	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
72	2CB16	Nguyễn Hữu	Khanh	01/01/1975	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
73	2CB17	Lê Văn	Khánh	20/12/1976	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
74	2CB18	Vũ Thanh	Liêm	09/05/1985	Ninh Bình	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
75	2CB19	Nguyễn Thị Trúc	Ly	21/05/1992	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
76	2CB20	Đặng Thanh	Ngân	01/01/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
77	2CB21	Phan Thị Thái	Nghi	14/04/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
78	2CB22	Vũ Dương Hồng	Ngọc	21/06/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
79	2CB23	Nguyễn Thị Yên	Nhi	10/03/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
80	2CB24	Phạm Trần Yên	Nhi	20/01/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
81	2CB25	Phạm Thị Kim	Nhi	11/09/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
82	2CB26	Nguyễn Thị Mai	Nhi	09/05/1997	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
83	2CB27	Trà Thị Tuyết	Nhung	03/03/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
84	2CB28	Nguyễn Vương Thủy	Tiên	08/09/2002	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1

Ca thi 2-Phòng máy 2: 9 giờ 30 – Cơ Bản

Stt	Sbd	Họ, chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới Tính	Dân Tộc	Ghi chú (giờ thi –Phòng máy)	
85	2CB29	Lê Kim	Tuyển	02/10/2003	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
86	2CB30	Nguyễn Chí	Thanh	15/07/1990	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 2
87	2CB31	Huỳnh Ngọc	Thảo	29/09/1992	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 2
88	2CB32	Võ Hoài	Thắng	25/04/2001	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 2
89	2CB33	Nguyễn Thành	Thật	29/04/1994	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 2
90	2CB34	Nguyễn Thị Ngọc	Tho	04/10/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
91	2CB35	Nguyễn Thị Kim	Thoa	29/06/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
92	2CB36	Đoàn Thị Cẩm	Thoa	04/09/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
93	2CB37	Nguyễn Thị Thu	Thủy	01/07/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
94	2CB38	Lê Thị Kiều	Thủy	08/12/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
95	2CB39	Phan Huỳnh Kim	Thư	22/09/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
96	2CB40	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	27/06/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
97	2CB41	Vũ Thị	Trà	08/01/1977	Hà Nội	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
98	2CB42	Lưu Thị Diệu	Trâm	08/10/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
99	2CB43	Huỳnh Thanh	Trâm	27/11/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
100	2CB44	Trần Thị Ngọc	Trâm	31/12/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
101	2CB45	Huỳnh Thị Bích	Trâm	21/05/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
102	2CB46	Ngô Thanh	Trúc	19/06/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
103	2CB47	Nguyễn Lương Bảo	Trung	30/11/1989	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 2
104	2CB48	Nguyễn Thị	Vàng	15/10/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
105	2CB49	Đặng Thị Thúy	Vy	04/10/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
106	2CB50	Nguyễn Thị Như	Ý	24/08/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
107	2CB51	Nguyễn Hải	Yên	02/03/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
Ca thi 2-Phòng máy 2: 9 giờ 30 – Nâng Cao									
108	2NC01	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/04/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
109	2NC02	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	06/04/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
110	2NC03	Lê Kim	Phụng	12/02/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
111	2NC04	Hà Thị Quyền	Trâm	03/11/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
112	2NC05	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	07/03/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
Ca thi 3-Phòng máy 1: 13 giờ 00 – Cơ Bản									
113	3CB01	Dương Thành	Biên	10/08/1984	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
114	3CB02	Lê Thành	Công	25/07/1992	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
115	3CB03	Nguyễn Quốc	Cường	17/10/1988	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
116	3CB04	Mai Quốc	Cường	20/01/1985	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
117	3CB05	Phạm Trần Đình	Chinh	03/08/1991	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
118	3CB06	Phan Văn	Đồng	10/10/1987	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
119	3CB07	Nguyễn Minh	Đủ	24/07/1988	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
120	3CB08	Nguyễn Văn	Gân	24/03/1985	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
121	3CB09	Phan Thanh	Giân	14/05/1977	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
122	3CB10	Nguyễn Hoàng	Hai	01/01/1985	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
123	3CB11	Lê Trung	Hiếu	1989	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
124	3CB12	Võ Quốc	Huy	10/05/1984	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
125	3CB13	Nguyễn Trung	Hung	15/10/1984	Nghệ An	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
126	3CB14	Huỳnh Thanh	Hung	04/01/1983	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
127	3CB15	Phạm Trung	Kiên	27/07/1985	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
128	3CB16	Lê Nhật	Linh	07/07/1982	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
129	3CB17	Danh Nhứt	Minh	29/11/1991	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
130	3CB18	Nguyễn Thế	Ngôi	20/03/1991	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
131	3CB19	Nguyễn Văn	Phi	12/11/1969	Hải Dương	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1

Stt	Sbd	Họ, chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới Tính	Dân Tộc	Ghi chú (giờ thi –Phòng máy)	
132	3CB20	Nguyễn Tấn	Phong	15/04/1988	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
133	3CB21	Phan Thanh	Phong	28/05/1979	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
134	3CB22	Nguyễn Đình	Phúc	21/09/1985	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
135	3CB23	Nguyễn Duy	Phương	26/10/1988	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
136	3CB24	Nguyễn Nhựt	Quang	13/07/1979	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
137	3CB25	Bùi Hồng	Quảng	19/11/1990	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
138	3CB26	Lương Quốc	Quốc	21/09/1982	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
139	3CB27	Lê Văn	Quốc	16/07/1991	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
140	3CB28	Nguyễn Quan	Quyền	22/04/1987	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
Ca thi 3-Phòng máy 2:					13 giờ 00 – Cơ Bản				
141	3CB29	Phạm Thanh	Sang	16/11/1984	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
142	3CB30	Nguyễn Thanh	Sơn	16/04/1974	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
143	3CB31	Trịnh Văn	Tâm	13/06/1985	Thanh Hóa	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
144	3CB32	Nguyễn Hoài	Tâm	1985	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
145	3CB33	Biên Thanh	Tâm	02/08/1992	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
146	3CB34	Phạm Duy	Tân	10/02/1981	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
147	3CB35	Nguyễn Minh	Tiên	03/02/1985	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
148	3CB36	Nguyễn Chí	Tinh	24/06/1989	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
149	3CB37	Nguyễn Bá	Tòng	25/03/1980	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
150	3CB38	Hoàng Bá	Tùng	21/04/1988	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
151	3CB39	Phạm Thanh	Tùng	17/05/1975	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
152	3CB40	Phan Thị Thu	Thanh	25/10/1991	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 2
153	3CB41	Trần Ngọc	Thanh	23/06/1988	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
154	3CB42	Nguyễn Văn	Thị	19/05/1982	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
155	3CB43	Đình Minh	Thiện	25/10/1991	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
156	3CB44	Huỳnh Văn	Thôn	12/09/1971	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
157	3CB45	Đỗ Ngọc	Thức	21/02/1988	Thái Bình	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
158	3CB46	Văn Thị Thu	Trang	20/05/1983	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 2
159	3CB47	Đào Minh	Trí	23/11/1985	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
160	3CB48	Nguyễn Văn	Trong	29/07/1988	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
161	3CB49	Phan Thị Thanh	Trúc	21/07/1984	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 2
162	3CB50	Nguyễn Chí	Trung	02/06/1982	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
163	3CB51	Dương Thành	Trung	15/10/1982	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
164	3CB52	Huỳnh Xuân	Vinh	19/05/1988	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2

Danh sách có 164 thí sinh đủ điều kiện dự thi
Trong đó có 159 thí cơ bản và 05 thí nâng cao

TP Tây Ninh, ngày 06 tháng 01 năm 2020

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Đã ký)

Trần Lệ Uyên